



ẢNH HƯỞNG CỦA NHÀ TÂM LÝ GIÁO DỤC VYGOTSKY ĐỐI VỚI VIỆC DẠY - HỌC NGÔN NGỮ TRÊN TOÀN CẦU

TS. LÊ PHẠM HOÀI HƯƠNG

Trường Đại Học Ngoại Ngữ - Đại Học Huế

Nhà tâm lý giáo dục Vygotsky sinh năm 1896 tại thị trấn Orsha, đông bắc thành phố Minsk ở Belorussia. Năm 1917. Ông tốt nghiệp trường đại học Mát-xcơ-va, chuyên ngành văn chương. Trong khoảng thời gian 1917-1923, ông dạy văn học và tâm lý tại một trường học ở Gomel. Ở thời gian này, ông thành lập phòng thí nghiệm nghiên cứu về tâm lý và dạy tâm lý ở trường đại học sư phạm. Các bài giảng của ông về tâm lý được đăng ở tạp chí *Tâm lý Sư phạm*. Năm 1924, Vygotsky chuyển đến Mat-xcơ-va và làm việc tại viện tâm lý và rồi ở viện khuyết tật do ông sáng lập. Từ năm 1925 đến 1934, ông tập hợp các nhà khoa học chuyên các lãnh vực tâm lý, khuyết tật, và chậm phát triển về trí tuệ để nghiên cứu những vấn đề trong lĩnh vực này. Sau đó, ông theo học ngành y ở viện y học ở Mát-xcơ-va và ở Kharkov. Sau thời gian này, ông giảng dạy tâm lý ở viện hàn lâm tâm lý U-krai-na. Năm 1934, ông được mời làm trưởng khoa tâm lý của viện y học thí nghiệm toàn liên bang. Ông được công nhận là tiến sĩ về tâm lý cho cuốn sách *The Psychology of Art* (Tâm lý học nghệ thuật). Vygotsky qua đời ngày 11 tháng 6 năm 1934.

1. Công trình nghiên cứu của Vygotsky

Các công trình nghiên cứu của Vygotsky được các nhà học thuật khắp thế giới quan tâm và ứng dụng vào nghiên cứu thực tiễn trong ba lĩnh vực lớn: tâm lý giáo dục, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu lĩnh hội ngôn ngữ. Trong khuôn khổ của bài báo này, ảnh hưởng của Vygotsky đối với việc dạy và học ngôn ngữ được phân tích thảo luận. Về tâm lý giáo dục, nghiên cứu của Vygotsky gắn liền với sự phát triển của tư duy và trưởng thành của cá nhân trong mối quan hệ với giao tiếp xã hội cũng như môi trường giáo dục. Về phương pháp giáo dục, Vygotsky đã đề ra việc giảng dạy trong vùng phát triển gần (Zone of Proximal Development) khi giáo viên và bạn cùng lớp giúp và chỉ dẫn cho học viên sử dụng khả năng sẵn có để độc lập giải quyết một vấn đề. Trong lĩnh vực lĩnh hội ngôn ngữ, những khái niệm về tư duy nhận thức, ngôn ngữ nội tại (tạm

dịch từ inner speech) của Vygotsky đã được dùng để khám phá quá trình học tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha và các ngôn ngữ khác ở nhiều nước trên toàn thế giới.

Hiện nay, hàng năm người ta tổ chức các cuộc hội thảo hội nghị quốc tế về các công trình nghiên cứu của Vygotsky nhằm triển khai những tiềm năng trong các khái niệm mà ông đã đưa ra. Một số trường đại học ở Hoa Kỳ như trường Đại học Washington và trường Appalachian thậm chí còn mở các khoá học chuyên nghiên cứu về các mảng lý thuyết do Vygotsky đề ra. Ở Việt Nam hiện nay, tư liệu về Vygotsky còn khá ít, chủ yếu lưu hành bằng tiếng Nga và tiếng Việt, dành cho môn tâm lý giáo dục học. Một trong những cuốn sách của Vygotsky được dịch sang tiếng Việt là *Tuyển tập Tâm lý học* được xuất bản năm 1997 bởi nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, hay L.X.Vugôtxky, *Tâm lý học nghệ thuật* (in lần thứ 2), nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1995.

Mặc dù với một khoảng thời gian làm việc cho ngành tâm lý và giáo dục Nga cũng như giáo dục toàn cầu không lâu nhưng những công trình nghiên cứu của Vygotsky để lại có giá trị xuyên thời gian và ảnh hưởng tích cực đến nền giáo dục của nhiều nước ở phương Đông cũng như phương Tây. Vygotsky đã để lại rất nhiều công trình và hai cuốn sách để cập khá đầy đủ các mảng lý thuyết về tâm lý và giáo dục của Vygotsky đó là: *Thought and Language* (1962) (*Tư duy và Ngôn ngữ*) và *Mind in Society* (1978) (*Trí tuệ trong xã hội*).

Trong cuốn sách *Tư duy và Ngôn ngữ*, Vygotsky đã nghiên cứu về các vấn đề như mối quan hệ giữa việc sử dụng ngôn ngữ và phát triển tư duy. Theo Vygotsky, nghĩa của của từ là hiện tượng của tư duy khi tư duy được thể hiện qua ngôn ngữ. Ngôn ngữ gắn liền với tư duy được làm sáng tỏ bởi tư duy. Vì vậy, ngôn ngữ không phải là một sự biểu hiện của những ý tưởng độc lập được hình thành mà là một hình thức cần thiết của sự hiện thực hóa lời nói. Giao tiếp giữa người với người dẫn đến hình thành những cấu trúc tư duy có nghĩa. Theo Vygotsky, trí tuệ phải được xem là luôn



phát triển và năng động. Con người phải luôn luôn thích nghi tư duy của mình đối với bối cảnh thực tại vì bản thân con người là một cá thể mang tính xã hội.

Cuốn sách *Trí tuệ trong xã hội* có liên hệ chặt chẽ và bổ sung cuốn sách *Tư duy và Ngôn ngữ*. Cuốn sách *Trí tuệ trong xã hội* đặc biệt nhấn mạnh đến phương pháp sư phạm Vùng phát triển gần (tạm dịch từ cụm từ tiếng Anh: Zone of Proximal Development). Cuốn sách này tổng hợp các công trình nghiên cứu của Vygotsky về sự phát triển tâm lí và ngôn ngữ ở trẻ em. Ngoài ra cuốn sách còn chỉ ra mối tương quan giữa giao tiếp, học, và phát triển cũng như vai trò của chơi đùa và phát triển của trẻ em.

2. Ảnh hưởng của Vygotsky đối với việc dạy học ngôn ngữ trên toàn cầu

Các nhà nghiên cứu giáo dục và dạy học ngôn ngữ đã nghiên cứu và ứng dụng các công trình của Vygotsky và chủ yếu tập trung vào những lãnh vực như: giao tiếp và phát triển tư duy, vùng phát triển gần, học từ bạn học cùng lớp, và thuyết văn hóa và xã hội.

* *Giao tiếp và phát triển tư duy*

Vygotsky cho rằng ý thức là sản phẩm của giao tiếp xã hội. Ông đã minh họa điều này bằng ví dụ chỉ ngón tay của đứa trẻ. Thoạt đầu cử chỉ này chỉ là một sự di chuyển vô nghĩa nhưng do mọi người chú ý đến nó, nó đã trở nên có nghĩa và cho thấy ý nghĩa của việc giao tiếp giữa con người (Vygotsky, 1978, tr. 56). Vygotsky còn nhấn mạnh vai trò cơ bản của của giao tiếp xã hội trong việc phát triển sự nhận thức, "Mọi chức năng trong sự phát triển của một đứa trẻ xuất hiện ở hai cấp bậc. Thứ nhất là ở cấp bậc xã hội và sau đó là ở cấp bậc cá nhân. Điều này đúng với cả ý thức tự giác, trí nhớ lô gíc và sự hình thành các khái niệm. Tất cả những chức năng cao hơn bắt nguồn từ những quan hệ thật sự giữa các cá nhân" (tr. 57). "Ngôn ngữ được hình thành như là một công cụ giao tiếp giữa đứa trẻ và mọi người trong môi trường xung quanh nó. Sau đó, chỉ khi nó chuyển hóa thành ngôn ngữ riêng của đứa trẻ, ngôn ngữ sắp xếp suy nghĩ của đứa trẻ và trở thành chức năng tư duy của đứa trẻ" (1978, tr. 89). Hay nói cách khác ngôn ngữ mang tính giao tiếp xã hội.

Sau này, việc áp dụng giao tiếp xã hội vào giáo dục đã được mở rộng sang giáo dục nói chung ở qui mô rộng hơn cho cả giáo dục người lớn. Một vài ví dụ để giúp việc phát triển giao tiếp xã hội vào việc giáo dục đó là phát huy giao

tiếp trong lớp học giữa người học với nhau cũng như giữa người học và giáo viên. Lớp học ở đây được xem là một xã hội thu nhỏ. Thảo luận hay làm bài tập theo nhóm đòi hỏi sự đóng góp của nhiều thành viên sẽ thúc đẩy việc trao đổi ý kiến giữa các thành viên. Khi trao đổi ý kiến bắt buộc các thành viên phải suy nghĩ về ý kiến của mình cũng như của người khác và dùng ngôn ngữ để biểu thị các suy nghĩ của họ. Nói cách khác, sự nhận thức và tư duy của con người sẽ được nâng lên ở mức cao hơn trong giao tiếp. Nói một cách khái quát, Vygotsky đã nhấn mạnh vai trò của giao tiếp xã hội trong việc phát triển tư duy. Ông cho rằng chỉ khi con người giao tiếp với nhau thì họ mới hình thành những suy nghĩ và ý tưởng để trao đổi ý kiến.

Trong lĩnh vực giao tiếp và việc lĩnh hội ngôn ngữ, Vygotsky đã ảnh hưởng đến nhiều nghiên cứu về vấn đề giao tiếp trong lớp học cũng như giao tiếp trong xã hội và sự thành công trong việc lĩnh hội một ngôn ngữ. Từ kết quả của những nghiên cứu này, các nhà nghiên cứu ngôn ngữ trên toàn cầu đã đề ra một thuyết mới trong lĩnh vực ngôn ngữ đó là thuyết giao tiếp (interactionism). Thuyết giao tiếp đã làm thay đổi tiến trình dạy và học ngôn ngữ. Xuất phát từ quan điểm giao tiếp của Vygotsky, việc dạy và học ngôn ngữ không đơn thuần chỉ là giúp cho người học tiếp nhận ngôn ngữ mà ngôn ngữ được sử dụng như là công cụ để truyền tải văn hóa, giao tiếp và suy nghĩ về quá trình học của mình. Ảnh hưởng của Vygotsky đến lớp học được thực hiện các hoạt động ngôn ngữ mang có ý nghĩa và giao tiếp xã hội nhiều, trong đó người học được được trợ giúp bằng bài mẫu, được đặt câu hỏi, được gợi ý. Môi trường lớp học theo quan điểm của Vygotsky phải hoạt động cao hơn mức độ kiến thức hiện có của học viên. Lắng nghe chỉ dẫn và làm việc theo nhóm sẽ tạo ra những cơ hội cho học viên mở rộng nền tảng kiến thức hiện có. Học theo nghĩa này là một quá trình lâu dài.

Ở Việt Nam, ảnh hưởng của Vygotsky tập trung nhiều vào lĩnh vực tâm lí và giáo dục tiểu học. Tài liệu về các công trình của Vygotsky không phổ biến nhiều nên khó có thể thấy được sự ảnh hưởng của ông đối với việc dạy và học ngôn ngữ ở Việt Nam. Nhưng có thể nói rằng, Vygotsky đã gián tiếp ảnh hưởng đến quá trình dạy học theo hướng giao tiếp ở cấp độ tiểu học và nhìn nhận vai trò của giáo viên ở những góc độ khác hơn hình ảnh truyền thống của người thầy truyền tải kiến thức cho học sinh.



* *Vùng phát triển gần (Zone of Proximal Development).*

Quan điểm vùng phát triển gần của Vygotsky đã được các nhà nghiên cứu phương pháp dạy học và lĩnh hội ngôn ngữ quan tâm. Vùng phát triển gần có thể được dịch như sau:

Khoảng cách giữa mức độ phát triển thực sự được xác định bởi giải quyết một vấn đề một cách độc lập và mức độ phát triển tiềm năng được xác định bởi việc giải quyết vấn đề có sự chỉ dẫn của người lớn hay là hợp tác với bạn có khả năng hơn (Vygotsky, 1978, tr. 86).

Ở đây, mức độ phát triển thực sự có thể đo được bằng chỉ số thông minh. Trong trường hợp học ngôn ngữ, kiểm tra cũng có thể cho thấy khả năng hiện tại của một học viên. Sự trợ giúp có thể là gợi ý, hướng dẫn, trả lời câu hỏi của học viên, khen và khích lệ, cho chỉ dẫn đối với một vấn đề cụ thể, đặt câu hỏi, và khuyến khích suy nghĩ và tư duy.

Như vậy, ảnh hưởng của Vygotsky đối với giáo dục được thể hiện qua việc nhấn mạnh việc phát huy vai trò của thầy cô giáo và bạn học. Rõ ràng quan điểm này của Vygotsky vừa mang tính giáo dục sâu sắc lại rất nhân đạo. Tính giáo dục thể hiện ở điểm học hỏi là một tiến trình phát triển liên tục và kéo dài mãi. Những gì hiện đang ở mức độ phát triển thực sự của người học xác định những gì đã trưởng thành và là sản phẩm cuối cùng của sự phát triển. Những khả năng mà người học chưa làm được một cách độc lập có nghĩa là những khả năng đó chưa phát triển nhưng hiện tại đang ở trong tình trạng phôi thai. Hay nói cách khác, những gì là khả năng thực có hôm nay là tiềm năng cao hơn ở một thời điểm tương lai khác, và tiềm năng này sẽ hóa thành khả năng thực tại đến một lúc nào đó. Tính nhân văn của ông thể hiện ở vai trò của người thầy và bạn cùng lớp không phải chỉ là người truyền đạt kiến thức mà thôi, mà hiểu được người học đang cần gì và giúp họ thực hiện được điều đó một cách độc lập. Vai trò của giáo viên và bạn học ở đây không chỉ là chỉ dẫn đơn thuần mà còn vươn đến mức cao hơn trong mối quan hệ giúp đỡ lẫn nhau vượt ra ngoài lớp học. Điều này rất gần gũi với văn hoá phương Đông. Có lẽ cũng chính vì tính giáo dục nhân văn nên quan điểm này của Vygotsky được phổ biến ở rất nhiều nước.

Theo quan điểm của Vygotsky, giáo viên cần kích hoạt vùng phát triển gần khi dạy cho học viên kiến thức cao hơn khả năng hiện có của học viên và thúc đẩy họ vượt trội hơn. Để làm được điều

này, giáo viên cần khuyến khích người học tham gia, thực hiện hoạt động, học các khái niệm trong bối cảnh thực và giúp họ tự xây dựng ý nghĩa dựa trên khả năng của mình.

Vùng phát triển gần là vùng khả năng khi học viên có thể học một mình và những gì học viên có thể đạt được với sự trợ giúp của giáo viên. Tác giả Lantolf (2000, tr. 17) viết, "Định nghĩa của Vygotsky về Vùng phát triển gần đó là sự khác biệt về những gì khi một người có thể thực hiện được một mình và những gì người này có thể thực hiện được khi có sự hỗ trợ của người khác hay là các tạo tác mang tính văn hóa". Lantolf (2000, tr. 17) nói thêm rằng, "Ngay cả trong những trường hợp khi những người thông thạo cùng làm việc với những người ít kinh nghiệm hơn, ví dụ trong một bài giảng, người ít kinh nghiệm hơn không thể bắt chước hết những khả năng của người thông thạo hơn mà biến đổi chuyển hóa những khả năng này khi được tiếp cận và học hỏi". Nói tóm lại, khái niệm Vùng phát triển gần có thể được xem là sự liên hợp tư duy của thành viên cùng học với nhau khi mà hai hoặc nhiều hơn trí tuệ hợp lại để giải quyết một vấn đề.

Quan điểm vùng phát triển gần của Vygotsky đã ảnh hưởng đến việc giảng dạy ngôn ngữ trên toàn cầu. Trong giảng dạy, chỉ dẫn được xem là có hiệu quả chỉ khi nó đi trước sự phát triển. Chỉ dẫn phải đánh thức những chức năng đang còn hình thành trong vùng phát triển gần. Theo Vygotsky, người học có thể hỗ trợ lẫn nhau cho cả học viên có cùng khả năng hay có khả năng cao hơn. Do ảnh hưởng của Vygotsky, lớp học thường được khuyến khích có những hoạt động mà một học viên có trình độ cao hơn làm việc với một học viên trình độ thấp hơn để người có khả năng cao hơn có thể nâng cao khả năng của học viên có khả năng thấp hơn. Những bối cảnh giao tiếp xã hội hay hoạt động như thế này thúc đẩy những nỗ lực và phát huy những thành tựu trong học viên ít khả năng hơn. Quá trình này dẫn đến sự phát triển tiến trình suy nghĩ và nhận thức trong cả hai đối tượng người học.

Tuy vậy, Werstch (1985) phê bình rằng Vygotsky mặc dù viết nhiều về vùng phát triển gần nhưng đã không cụ thể hóa những gì là giải quyết vấn đề để giải quyết vấn đề có hướng dẫn hay hợp tác với bạn có khả năng hơn. Quan điểm vùng phát triển gần lúc đầu được dùng cho giảng dạy trẻ em nhưng với những đặc tính được phân tích trên, quan điểm này vẫn có thể áp dụng được cho học viên là người lớn vì những quá trình học ngôn ngữ



như học theo nhóm, cùng xây dựng bài, liên hợp tư duy và tương tự.

** Học từ bạn học cùng lớp (peer learning)*

Một trong những ảnh hưởng khác của Vygotsky đối với giáo dục đó là khái niệm bạn học cùng lớp (peer). Sự nhấn mạnh vào tầm quan trọng của giao tiếp giữa bạn học cùng lớp và phát triển của tư duy thúc đẩy việc áp dụng nhóm nhỏ trong các lớp học ngoại ngữ (Lê, 2007). Một nghiên cứu vào năm 2000 ở Ca-na-đa đã tìm thấy giao tiếp mang tính hợp tác giúp học viên học tiếng Pháp có khả năng tự tổ chức và chuyển hóa quá trình học của mình mà không cần sự can thiệp của giáo viên. Một nghiên cứu vào năm 2002 trong lớp học ở Anh cho thấy rằng học viên từ các nước không nói tiếng Anh khi giao tiếp với bạn học là những người nói tiếng Anh, họ sẽ được giải thích, cho ví dụ và minh họa. Quá trình giao tiếp này giúp học viên không phải là bản xứ học tiếng Anh tốt hơn. Tương tự nghiên cứu giao tiếp giữa bạn học cùng lớp ở châu Âu vào năm 2003 phát hiện rằng bạn cùng lớp người bản xứ sử dụng những chiến lược về ngôn ngữ như giải thích, cử chỉ để giúp cho bạn học không phải là người bản xứ.

** Thuyết văn hóa và xã hội (sociocultural theory)*

Vygotsky phát triển thuyết văn hóa xã hội vào những năm 1920-1930 cùng các cộng sự của mình ở Nga. Thuyết văn hóa và xã hội cho rằng hoạt động của con người diễn ra trong những bối cảnh xã hội và được thực hiện nhờ ngôn ngữ. Hoạt động của con người có thể hiểu được tốt nhất khi được nghiên cứu trong bối cảnh phát triển văn hóa và lịch sử cụ thể. Trong việc dạy học ngôn ngữ, thuyết văn hóa xã hội do Vygotsky và cộng sự đề ra được cho là theo quan điểm giao tiếp dựa trên sự nhấn mạnh giao tiếp xã hội. Theo thuyết văn hóa xã hội, việc học diễn ra trong một môi trường không những chỉ có ngôn ngữ mà còn là sự dẫn dắt và nâng đỡ của giáo viên, bạn cùng lớp và ngay cả những tư liệu ngôn ngữ hay tạo tác văn hóa trong lớp học.

Thuyết văn hóa và xã hội đã được giới thiệu vào các lớp học ngoại ngữ ở Việt Nam thông qua những công trình nghiên cứu về mảng này (xem Lê 2007). Tuy vậy ít có những hội thảo hay những khóa huấn luyện nào cụ thể về việc giảng dạy ngôn ngữ theo thuyết văn hóa xã hội ở Việt Nam. Ảnh hưởng của Vygotsky vì vậy chủ yếu qua việc khuyến khích những vai trò khác nhau của giáo viên trong lớp học và việc dạy và học được tiến hành trong một bối cảnh văn hóa xã hội giao tiếp.

Kết luận

Ảnh hưởng của Vygotsky đối với giáo dục nói chung, và dạy-học ngôn ngữ mang tính rộng khắp toàn cầu. Nhiều năm sau khi ông qua đời, các công trình của ông vẫn được các nước tiên tiến trên thế giới nghiên cứu và ứng dụng ngày càng rộng lớn. Tính nhân văn trong cách nhìn nhận về vai trò của giáo viên và bạn học cùng lớp đã làm cho quan điểm Vùng phát triển gần của ông được trích dẫn trong hầu hết các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục và lĩnh hội ngôn ngữ. Vygotsky luôn xem cá thể phát triển trong giao tiếp xã hội, trí tuệ người học được nâng cao khi họ giao tiếp với giáo viên và các thành viên khác trong lớp học hay những cá nhân khác trong xã hội. Sự nhấn mạnh vào mối quan hệ phát triển giữa người học và người học, người học và giáo viên trong môi trường giao tiếp ngôn ngữ đã làm cho ảnh hưởng của Vygotsky trở nên xuyên thời gian và không gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Lantolf, J. (Ed.). (2000). *Sociocultural theory and second language learning*. New York: Oxford.
2. Le Pham Hoai Huong (2007). *The more knowledgeable peer, target language use, and group participation*. *The Canadian Modern Language Review*, 64 (2), 333-354.
3. Vygotsky, L. S. (1962). *Thought and Language (Tư duy và ngôn ngữ)*. Cambridge: Massachusetts Institute of Technology Press.
4. Vygotsky, L. S. (1978). In M. Cole et al. (Eds.), *Mind in society: The development of higher psychological processes (Trí tuệ trong xã hội: sự phát triển của những tiến trình tâm lý cấp cao)*. Cambridge: Harvard University Press.
5. Wertsch, J. (1985). *Vygotsky and the social formation of mind*. Cambridge: Harvard University Press.

SUMMARY

Vygotsky is a well-known Belorussian psychologist. His studies have got the attention from academics all over the world and the results have been applied in the practical research in: educational psychology, teaching methodology and language learning. This article gets in depth into Vygotsky's impacts on teaching and learning of languages globally.